

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28 - 10 - 2022

V/v: "Ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hòa và ông Nguyễn Xuân Thí

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Liên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Đức – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 10 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 04/2022/TLST-HNGĐ ngày 14/01/2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2275/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 219/QĐST-HNGĐ ngày 14/10/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Đặng Ngọc D**, sinh năm 1966

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: **Thôn P, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình**, có mặt;

Bị đơn: Chị **Trần Thị C (Trần Thị Kim C1)**, sinh năm 1976

Nơi ĐKNKTT trước khi xuất cảnh: **Thôn P, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình**.

Hiện cư trú tại: 724-8-4.TAMAN-BUNGA-MERAH JALAN-SUNGAI-DUA 11900 FENAMG-WEST MALAYSIA. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn anh **Đặng Ngọc D** trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh **D** và chị **C1** xây dựng gia đình tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 12/01/1995 tại **Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Quảng Bình**. Sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau hạnh phúc đến năm 2003, vợ chồng bàn bạc làm thủ tục cho chị **C1** đi xuất khẩu lao động tại Malaysia cho đến nay, thời gian đầu chị **C1** thường xuyên liên lạc về thăm hỏi động viên chồng con. Năm 2006 chị **C1** có về Việt Nam được 01 tuần thì tiếp tục sang lại Malaysia, từ đó vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do chị **C1** không hề quan tâm đến chồng con và không liên lạc gì về cho anh. Năm 2007 anh **D** đi xuất khẩu lao động tại Nga đến năm 2017 thì về Việt Nam nhưng vợ chồng vẫn không liên lạc gì với nhau. Nay

anh thấy tình cảm vợ chồng đã thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chỉ **C1**.

Về con chung: Vợ chồng chỉ có một con chung tên là **Đặng Thị Thúy L**, sinh ngày 14/4/1997. Hiện con đã trưởng thành, tự lập không phụ thuộc vào bố mẹ.

Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn chị **Trần Thị C1** hiện đang sinh sống tại Malaysia:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã tiến hành các phương thức tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật đối với bị đơn chị **C1**, nhưng không có kết quả. Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình cũng đã thông báo về thời gian, địa điểm mở phiên tòa xét xử vụ án ly hôn giữa anh **D** và chị **C1** trên kênh phát thanh dành cho người Việt Nam ở nước ngoài - **Đ** tiếng nói Việt Nam (VOV5) nhưng vẫn không có tin tức gì của chị **C1**.

Chị **Trần Thị X**, sinh năm 1965 là chị gái của chị **C1** có ý kiến: Bố mẹ chị đã mất nên chị thay mặt gia đình trình bày quan điểm về việc ly hôn giữa em gái và em rể. Em tôi và em rể kết hôn vào ngày 12/01/1995, trong quá trình chung sống giữa các em có xảy ra cãi vã nhau, hiện tại em gái đang sống tại Malaysia, hai vợ chồng không còn tình cảm gì. Em gái có liên lạc bằng điện thoại nói là đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án ly hôn với em rể **Đặng Ngọc D** và mong muốn Tòa án sớm giải quyết ly hôn để hai bên ổn định cuộc sống; con chung có 01 đứa đã trưởng thành; Tài sản chung, nợ chung không có.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết, xét xử vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn trong vụ án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Việc thu thập chứng cứ đảm bảo đúng quy định, đảm bảo quyền lợi của các đương sự. Đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, xử cho anh **Đặng Ngọc D** được ly hôn chị **Trần Thị C1**, về con chung: đã trưởng thành nên không xem xét; về tài sản chung và nợ chung: không xem xét; đương sự chịu án phí, lệ phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý của nguyên đơn, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo Công văn số 8778/QLXNC-P5, ngày 04/5/2022 của **Cục Q - Bộ C2** thì chị **Trần Thị Kim C1** đã xuất cảnh ra nước ngoài từ ngày 27/5/2003, lần xuất cảnh gần nhất là ngày 18/3/2019, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước; Theo quy định tại khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án theo phương thức tổng đạt đến **C3** tại Malaysia để

tổng đạt và thu thập chứng cứ đối với chị **Trần Thị C1 (Trần Thị Kim C1)** và đăng tin trên kênh phát thanh dành cho người Việt Nam ở nước ngoài - Đ (VOV5) theo quy định tại khoản 1 Điều 474, Điều 475 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng không có kết quả. Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị **Trần Thị C1 (Trần Thị Kim C1)**.

[2] Về nội dung:

[2.1]. *Về quan hệ hôn nhân*: Hội đồng xét xử xét thấy anh **Đặng Ngọc D** và chị **Trần Thị C1 (Trần Thị Kim C1)** tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, Quảng Bình nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Theo như anh **D** trình bày, quá trình chung sống với nhau hai vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2003 thì chị **C1** đi xuất khẩu lao động tại Malaysia, thời gian đầu vợ chồng có thông tin, liên lạc và quan tâm lẫn nhau nhưng từ năm 2006 thì chị **C1** không hề liên lạc gì với gia đình và không quan tâm đến chồng con. Anh **D** khẳng định tình cảm vợ chồng không còn nên kiên quyết xin được ly hôn. Xét thấy, đời sống chung của vợ chồng anh **D**, chị **C1** không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị anh **Đặng Ngọc D** được ly hôn chị **Trần Thị C1 (Trần Thị Kim C1)**.

[2.2]. *Về quan hệ con chung*: Vợ chồng có một con chung tên là **Đặng Thị Thúy L**, sinh ngày 14/4/1997 đã trưởng thành, tự lập nên không xem xét.

[2.3]. *Về quan hệ tài sản chung và nợ chung*: Anh **D** không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. *Về án phí, lệ phí tố tụng đạt văn bản tố tụng ra nước ngoài*: Anh **D** phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí và 3.180.000 đồng lệ phí tố tụng đạt văn bản tố tụng ra nước ngoài và đăng thông tin (đã nộp đủ tại Tòa án).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; Điều 147, Điều 153; các Điều 228, Điều 469, 474, 475; điểm a khoản 5 Điều 477; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

Áp dụng Điều 51, Điều 54, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình; Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho anh **Đặng Ngọc D** được ly hôn chị **Trần Thị C1 (Trần Thị Kim C1)**

2. *Về quan hệ con chung*: Anh **D**, chị **C1** có một con chung tên là **Đặng Thị Thúy L**, sinh ngày 14/4/1997 đã trưởng thành, tự lập nên không xem xét.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Không ai có yêu cầu nên không xem xét.

4. *Về án phí, lệ phí*: Anh **D** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng được khấu trừ số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án tại biên lai số 31AA/2022/**0004881** ngày 12/01/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình.

Anh **D** phải chịu 3.180.000 đồng tiền lệ phí tổng đạt văn bản tố tụng (đã nộp đủ tại Tòa án).

5. *Án sơ thẩm xử công khai*, anh **D** có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án; chị **C1** có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày bản án sơ thẩm được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh QB;
- Cục THADS tỉnh QB;
- Các đương sự;
- UBND xã Liên Trạch, h. Bố Trạch;
- Niêm yết tại UBND xã Đại Trạch, h. Bố Trạch;
- Lưu Toà DS, HSVA, VP.

Nguyễn Thái Sơn